

Bản án số: 07/2024/HSST
Ngày 22/02/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị D

-Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Tạ Thị H

+ Bà Ksor H'Q

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh N – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh G.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh G tham gia phiên tòa: Ông Ksor Q - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 02 năm 2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh G xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 34/2023/HSST, ngày 29 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2023/HSST-QĐ, ngày 26 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/HSST-QĐ, ngày 24 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1/ Bùi Văn H, sinh năm 1970 tại QN, BĐ; Trú tại: Tổ dân phố 5, thị trấn P, huyện K, tỉnh G; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị L (đã chết); Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tốt. Bị cáo có vợ và 02 con, nhỏ nhất sinh năm 1998. Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay và hiện có mặt tại phiên tòa.

2/ Bùi Văn H1, sinh năm 1996 tại K, G; Trú tại: Tổ dân phố 5, thị trấn P, huyện K, tỉnh G; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn H, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tốt. Bị cáo có vợ và 02 con, nhỏ nhất sinh năm 2020. Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay và hiện có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Nguyễn Văn Đ (đã chết)

Người đại diện hợp pháp của người bị hại:

Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1940, vắng mặt

Bà Giang Thị S, sinh năm 1941, vắng mặt

Bà Tạ Thị B, sinh năm 1966, có mặt

Chị Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1987, có mặt

Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1992, có mặt

Chị Nguyễn Thị Quỳnh T, sinh năm 1997, vắng mặt
 Cùng trú tại: Tổ dân phố 10, thị trấn P, huyện K, tỉnh G.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông bà Nguyễn Văn Đ, Giang Thị S, Nguyễn Thị Thùy T, Nguyễn Thành T, Nguyễn Thị Quỳnh T, đồng thời là người đại diện hợp pháp của người bị hại: Bà Tạ Thị B, sinh năm 1966; trú tại: Tổ dân phố 10, thị trấn P, huyện K, tỉnh G. Có mặt

-Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn H: Ông Phạm Ngọc Q – Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Quang Phạm thuộc Đoàn Luật sư tỉnh G. Có mặt

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Phan Thị Hồng T, sinh năm 1996; trú tại: Tổ dân phố 5, thị trấn P, huyện K, tỉnh G. Có mặt

-Người làm chứng:

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1986; Trú tại: 123 Văn Cao, thôn 2, Trà Đa, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt

Chị Bùi Thị Ngọc D, sinh ngày 30/7/2008; trú tại: Thôn Quỳnh Phụ, xã I, huyện K, tỉnh G – Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị D; trú tại: Thôn Quỳnh Phụ, xã I, huyện K, tỉnh G. Vắng mặt

Chị Phạm Thị Hạ N, sinh ngày 15/10/2008; trú tại: Thôn Quỳnh Phú, xã I, huyện K, tỉnh G – Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Hồng T; trú tại: Thôn Huy Hoàng, xã I, huyện K, tỉnh G. Vắng mặt

Bà Phạm Thị L, sinh năm 1981; trú tại: Buôn Suối Cẩm, xã Chư Drăng, huyện K, tỉnh G. Vắng mặt

Ông Mai Văn L, sinh năm 1985; Trú tại: Buôn T, xã Phú Cần, huyện K, tỉnh G. Vắng mặt

NHẬN THẤY:

Vào khoảng tháng 6/2022, Bùi Văn H1 tự mua và đứng tên chủ sở hữu xe ô tô BKS 81B-022.65, nhãn hiệu Ford Transit, màu trắng, loại 16 chỗ ngồi. Từ ngày 03/01/2023 đến ngày 11/01/2023, Bùi Văn H1 nhận hợp đồng với trường THCS Lê Quý Đôn chở 11 em học sinh từ xã Ia Rsum đến Trường THCS Lương Thế Vinh để ôn thi. Mặc dù biết rõ Bùi Văn H (là bố ruột) không có giấy phép lái xe theo quy định, nhưng Bùi Văn H1 vẫn giao xe ô tô BKS 81B-022.65 cho Bùi Văn H điều khiển đưa đón 11 em học sinh nêu trên theo hợp đồng.

Đến khoảng 13 giờ 00 phút, ngày 11/01/2023, Bùi Văn H điều khiển xe ô tô BKS 81B-022.65 lưu thông trên Quốc lộ 25 theo hướng xã Ia Rsum đi Chư Ngọc. Khi đến ngã tư giao nhau giữa đường Lê Hồng Phong và đường Hùng Vương thì Bùi Văn H phát hiện phía trước cùng chiều có xe ô tô BKS 43A – 105.69 đậu lề đường bên phải cách trụ đèn tín hiệu giao thông khoảng 30m và ông Nguyễn Văn Đ điều khiển xe mô tô BKS 81N1-004.44 đi cùng chiều phía trước, cách xe của Bùi Văn H khoảng 35m. Bùi Văn H không giảm tốc độ mà bóp còi vượt qua xe ô tô BKS 81B-022.65 đang đậu. Khi đi đến trước số nhà 139

đường Hùng Vương thì va chạm với xe mô tô BKS 81N1-004.44 do ông Nguyễn Văn Đ điều khiển, làm ông Đ và xe mô tô ngã văng về bên phải. Hậu quả làm ông Nguyễn Văn Đ chết trên đường đi cấp cứu, hai phương tiện hư hỏng nhẹ.

Tiến hành đo nồng độ cồn với Bùi Văn H, kết quả Bùi Văn H không có nồng độ cồn trong khí thở, Bùi Văn H không có giấy phép lái xe hạng D theo quy định.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 114/TT ngày 02/02/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh G, kết luận ông Nguyễn Văn Đ chết do chấn thương ngực kín.

Tại phiên tòa, Bùi Văn H và Bùi Văn H1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu ở trên. Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định pháp y về tử thi, các quyết định cũng như các hành vi của cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện K cũng như của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đối với vụ án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án, người làm chứng có mặt, vắng mặt tại phiên tòa không có khiếu nại gì các quyết định, các hành vi của cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện K cũng như của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đối với vụ án.

Về vật chứng của vụ án: 01 (một) xe mô tô BKS 81N1-004.44, nhãn hiệu Yamaha – Nouvo, màu sơn vàng – đen. Đã trả lại cho người quản lý hợp pháp là bà Tạ Thị B.

01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Ford Transit, màu sơn trắng, biển kiểm soát 81B-022.65. Đây là tài sản chung hợp pháp của bị cáo Bùi Văn H1 và vợ là chị Phan Thị Hồng T, cần trả lại cho Bùi Văn H1 và chị Phan Thị Hồng T.

Về dân sự: Các bị cáo đồng ý cùng liên đới bồi thường cho bị hại số tiền là 200.000.000 đồng. Trước đó bị cáo Bùi Văn H đã bồi thường số tiền 20.000.000 đồng, bị cáo Bùi Văn H1 bồi thường 15.000.000 đồng. Các bị cáo còn phải tiếp tục liên đới bồi thường cho bị hại tổng số tiền là 165.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 31/CT-VKS ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh G truy tố bị cáo Bùi Văn H về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự và bị cáo Bùi Văn H1 về tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ*” theo điểm a, khoản 1 Điều 264 Bộ luật hình sự năm 2015.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX):

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 của BLHS: xử phạt bị cáo Bùi Văn H từ 20 tháng tù đến 24 tháng tù.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 264; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của BLHS: xử phạt bị cáo Bùi Văn H1 từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn H: đồng ý với bản luận tội của đại diện VKSND huyện K về tội danh, điều luật áp dụng, tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo. Ngoài ra, người bào chữa đề nghị xem xét các tình tiết bị cáo là lao động chính của

gia đình, công việc không ổn định và hậu quả xảy ra có lỗi của người bị hại, sau khi va chạm xảy ra thì đã tích cực đưa người bị hại đi cấp cứu. Do đó, đề nghị HĐXX xét xử thấp hơn mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an huyện K, tỉnh G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh của bị cáo: Từ ngày 03/01/2023 đến ngày 11/01/2023, dù biết rõ Bùi Văn H không có giấy phép lái xe hạng D theo quy định nhưng Bùi Văn H1 vẫn giao chiếc xe ô tô BKS 81B-022.65, loại 16 chỗ ngồi cho Bùi Văn H điều khiển chở 11 học sinh đi ôn thi tuyển đường từ xã Ia Rsum đến xã Phú Cần và ngược lại. Đến khoảng 13 giờ 00 phút, ngày 11/01/2023, Bùi Văn H do không có giấy phép lái xe hạng D, không làm chủ tốc độ, khi đi qua ngã tư, khu vực đông dân cư không giảm tốc mà cho xe vượt ẩu nên đã va chạm với xe mô tô BKS 81N1-004.44 do ông Nguyễn Văn Đ điều khiển đi cùng chiều. Hậu quả làm cho ông Đ tử vong. Hành vi của các bị cáo là sai trái, bị cáo Bùi Văn H không những vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự mà còn vi phạm khoản 11 Điều 8, khoản 2 Điều 14 Luật giao thông đường bộ. Bị cáo Bùi Văn H1 vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 điều 264 Bộ luật hình sự.

Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung của bản cáo trạng, lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Bùi Văn H đã phạm vào tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260. Hành vi của bị cáo Bùi Văn H1 đã phạm vào tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ*” theo điểm a, khoản 1 Điều 264 Bộ luật hình sự năm 2015.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị cáo về hành vi theo tội danh trên là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi của các bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên bị cáo Bùi Văn H chỉ bị xét xử ở điểm a khoản 2 Điều 260 của BLHS, bị cáo Bùi Văn H1 chỉ bị xét xử ở điểm a, khoản 1 Điều 264 BLHS là phù hợp.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng: Không có

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ, trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ nhận thức để biết hành vi của mình thực hiện là nguy hiểm, vi phạm pháp luật.

Bị cáo Bùi Văn H đủ nhận thức để biết việc sử dụng xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ, tuy không có giấy phép lái xe hạng D nhưng vẫn tự mình điều khiển xe ô tô BKS 81B-022.65, loại xe 16 chỗ lưu thông chở 11 em học sinh đi ôn thi từ ngày 03/01/2023 đến ngày 11/01/2023, trên tuyến đường từ xã Ia Rsum đến xã Phú Cần và ngược lại. Do không làm chủ tốc độ, khi đi qua ngã tư, khu vực đông dân cư không giảm tốc mà cho xe vượt ầu nên đã va chạm với xe mô tô BKS 81N1-004.44 do ông Nguyễn Văn Đ điều khiển đi cùng chiều. Hậu quả làm cho ông Đ tử vong.

Bị cáo Bùi Văn H1 là chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ, biết rõ Bùi Văn H (là bố đẻ của H1) không có giấy phép lái xe hạng D, nhưng vẫn giao xe ô tô BKS 81B-022.65, loại xe 16 chỗ cho Bùi Văn H điều khiển.

Mặc dù các bị cáo không mong muốn hậu quả xảy ra, nhưng trên thực tế hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến tính mạng của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn giao thông tại địa phương nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hậu quả đã xảy ra. Nay cần xét đến nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo để cá thể hóa hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo để vừa đảm bảo tính răn đe phòng ngừa, vừa thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thì các bị cáo tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đã khắc phục bồi thường thiệt hại cho đại diện gia đình bị hại, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo H, H1 được hưởng quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Bên cạnh đó bị cáo Bùi Văn H sau khi thực hiện hành vi phạm tội thì đã tự giác đầu thú, và hậu quả xảy ra có một phần lỗi của bị hại. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS mà bị cáo H được hưởng. Bị cáo Bùi Văn H1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng thuộc điểm i, khoản 1 Điều 51 BLHS.

Do đó, xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và luận tội của đại diện Viện kiểm sát, luận cứ của người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn Hùng đề nghị áp dụng Điều 54 khi bị cáo có từ 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[5] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị cáo và đại diện gia đình người bị hại thống nhất bồi thường chi phí mai táng và tổn thất về tinh thần là 200.000.000 đồng. Trước đó bị cáo H và bị cáo H1 đã tự nguyện bồi thường tổng số tiền 35.000.000 đồng. Các bị cáo tự nguyện tiếp tục liên đới bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại là 165.000.000 đồng.

Trả cho người đại diện hợp pháp của bị hại (do bà Tạ Thị B là người đại diện) toàn bộ số tiền các bị cáo nộp bồi thường hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K là 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*), theo các biên lai thu tiền số 0002701, 0002702 ngày 20/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

[6] *Về vật chứng của vụ án:* 01 (một) xe mô tô BKS 81N1-004.44, nhãn hiệu Yamaha – Nouvo, màu sơn vàng – đen. Đã trả lại cho người quản lý hợp pháp là bà Tạ Thị B.

01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Ford Transit, màu sơn Trắng, biển kiểm soát 81B-022.65. Đây là tài sản chung hợp pháp của bị cáo Bùi Văn H1 và vợ là chị Phan Thị Hồng T, cần trả lại cho Bùi Văn H1 và chị Phan Thị Hồng T1.

[7] *Về án phí:* Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn H phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”, bị cáo Bùi Văn H1 phạm tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ*”.

1. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Bùi Văn H 20 (*hai mươi*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 264; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Bùi Văn H1 12 (*mười hai*) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao cho Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Túc, huyện K, tỉnh G nơi bị cáo Bùi Văn H1 thường trú để giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

2. Về dân sự: Áp dụng Điều 46, Điều 48 của BLHS 2015; Điều 584, 585, 586, 587 và Điều 591 của Bộ luật Dân sự:

Buộc các bị cáo Bùi Văn H và Bùi Văn H1 có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho người đại diện hợp pháp của người bị hại (do bà Tạ Thị B là người đại diện) số tiền 165.000.000 đồng (*một trăm sáu mươi lăm triệu đồng*).

Trả cho người đại diện hợp pháp của bị hại (do bà Tạ Thị B là người đại diện) toàn bộ số tiền các bị cáo nộp bồi thường hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K là 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*), theo các biên lai thu tiền số 0002701, 0002702 ngày 20/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 48 của BLHS và khoản 1, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Trả lại cho bị cáo Bùi Văn H1 và chị Phan Thị Hồng T 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Ford Transit, màu sơn Trắng, biển kiểm soát 81B-022.65.

Đặc điểm chi tiết vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/9/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Bùi Văn H và Bùi Văn H1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và buộc bị cáo Bùi Văn H và Bùi Văn H1 phải liên đới nộp 8.250.000 đồng (*tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự đề sung công quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án (22/02/2024) để yêu cầu Toà án Nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G(01 bản);
- VKSND h. K (02 bản);
- Công an h. K (01 bản);
- Bị cáo (02 bản);
- Người ĐDHP hại; người có QLNVLQ (02 bản);
- Người bào chữa (01 bản);
- Chi cục THADS h. K (01 bản);
- Lưu HS vụ án, THA hình sự (02 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Lê Thị D

